

Số: 2807/QĐ-ĐHSPNTTW

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Thông báo số 1313/TB-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản trị thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản trị thiết bị và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Website NUAET;
- Lưu: VT, P.KHTC&QTTB. (5b)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Lê Vinh Hưng

Đơn vị: TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW
Chương: 022

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 15 tháng 10 năm 2024
của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu			
1	Tổng số thu	43.989.502.616	43.989.502.616	
	Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ	43.989.502.616	43.989.502.616	
2	Chi phí	31.096.548.387	31.096.548.387	
	Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ	31.096.548.387	31.096.548.387	
3	Chi phí thuế TNDN	297.873.610	319.983.180	22.109.570
B	Quyết toán chi NSNN			
	Nguồn ngân sách trong nước	59.824.869.360	59.824.869.360	
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ Loại 100- Khoản 101 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học Công nghệ	877.357.600	877.357.600	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề Loại 070- Khoản 081	58.226.341.760	58.226.341.760	
-	Kinh phí thường xuyên			
-	Kinh phí không thường xuyên	58.226.341.760	58.226.341.760	
3	Chi đào tạo lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam Loại 400- Khoản 402 Kinh phí không thường xuyên (Diện Hiệp định với Lào, Campuchia)	721.170.000	721.170.000	

